

Số: 275 /CSDP - KTTV

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất năm 2025 (đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2025

(Đã Kiểm Toán)

STT	CHỈ TIÊU	Mã Số	NĂM 2025	NĂM 2024	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1.188.730.846.501	1.225.313.177.658	(36.582.331.157)	97,01
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	725.729.691	857.966.815	(132.237.124)	84,59
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10	1.188.005.116.810	1.224.455.210.843	(36.450.094.033)	97,02
4	Giá vốn hàng bán	11	725.996.456.825	834.797.705.801	(108.801.248.976)	86,97
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	462.008.659.985	389.657.505.042	72.351.154.943	118,57
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	113.761.036.032	97.934.843.374	15.826.192.658	116,16
7	Chi phí tài chính	22	2.806.834.059	9.364.312.603	(6.557.478.544)	29,97
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23			-	
8	Chi phí bán hàng	24	14.311.422.913	20.101.086.432	(5.789.663.519)	71,20
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	174.205.743.165	139.738.536.359	34.467.206.806	124,67
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	30	384.445.695.880	318.388.413.022	66.057.282.858	120,75
11	Thu nhập khác	31	57.751.576.764	85.253.375.988	(27.501.799.224)	67,74
12	Chi phí khác	32	17.070.001.659	25.954.235.348	(8.884.233.689)	65,77
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	40.681.575.105	59.299.140.640	(18.617.565.535)	68,60
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	425.127.270.985	377.687.553.662	47.439.717.323	112,56
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	84.056.632.184	52.466.215.723	31.590.416.461	160,21
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	480.930.339	966.618.898	(485.688.559)	49,75
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	340.589.708.462	324.254.719.041	16.334.989.421	105,04
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	288.935.107.540	261.993.113.128		
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	51.654.600.922	62.261.605.913		
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	3.325	2.491		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	3.325	2.491		

Giải Trình:

Trong năm 2024: Sản lượng tiêu thụ là: 11.929,53 tấn; Giá bán bình quân: 48.023.588 VND/tấn.

Trong năm 2025: Sản lượng tiêu thụ là: 11.607,87 tấn; Giá bán bình quân: 50.677.408 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ năm 2025 thấp hơn năm 2024. Nhưng giá bán bình quân cao hơn năm 2024.

(giá bán bình quân năm 2025 tăng : 2.653.820 VND/tấn hay tăng : 5,53% so với năm 2024).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2025 tăng: 66.057.282.858 VND hay tăng 20,75% so với năm 2024.

+ Lợi nhuận khác năm 2025 giảm : 18.617.565.535 VND hay giảm 31,40% so với năm 2024,

Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng: 16.334.989.421 VND hay tăng : 5,04% so với năm 2024

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường